ÔN TẬP CUỐI HK1 - CÔNG NGHỆ 11

BÀI 2: HÌNH CHIẾU VUÔNG GÓC

Câu 1:Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, vị trí hình chiếu bằng đặt ở đâu so với hình chiếu đứng?

A. Bên dưới hình chiếu đứng. B. Bên phải hình chiếu đứng.

C. Bên trái hình chiếu đứng. D. Bên trên hình chiếu đứng.

Câu 2:Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, mặt phẳng hình chiếu đứng được đặt như thế nào so với vật thể?

A. Sau vật thể. B. Bên dưới vật thể. C. Bên phải vật thể. D. Trước vật thể.

Câu 3:Trong phép chiếu vuông góc, một đoạn thẳng sẽ có hình chiếu là 1 điểm khi nào?

A. Đoạn thẳng đó vuông góc với mặt phẳng hình chiếu.

B. Đoạn thẳng đó song song với mặt phẳng hình chiếu.

C. Đoạn thẳng đó xiên góc với mặt phẳng hình chiếu.

D. Đoạn thẳng đó nằm trên mặt phẳng hình chiếu.

Câu 4:Khi vẽ hình chiếu vuông góc từ nhiều hướng khác nhau của vật thể này ta đều có kết quả là hình vuông?

A. Khối lập phương. . B. Khối hộp đáy vuông.

C. Tấm bìa hình vuông. D. Hình trụ có đáy là hình vuông.

Câu 5:Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, mặt phẳng hình chiếu bằng được đặt như thế nào so với vật thể?

A. Trước vật thể. B. Bên phải vật thể. C. Sau vật thể. D. Bên dưới vật thể.

Câu 6:Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, để vẽ được hình chiếu cạnh ta nhìn vào?

A. Mặt bên trên của vật thể. B. Mặt sau của vật thể.

C. Mặt trước của vật thể. D. Mặt bên trái của vật thể.

Câu 7:Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, mặt phẳng hình chiếu cạnh được đặt như thế nào so với vật thể?

A. Bên dưới vật thể. B. Sau vật thể. C. Trước vật thể. D. Bên phải vật thể.

Câu 8:Trong phương pháp các hình chiếu vuông góc, hình chiếu chính là?

A. Hình chiếu bằng. B. Hình chiếu từ trên. C. Hình chiếu đứng. D. Hình chiếu cạnh.

Câu 9:Khi bố trí kích thước trên các hình chiếu thì?

A. Có thể kéo đường gióng từ nét đứt.

B. Mỗi kích thước chỉ được ghi 1 lần trên mỗi hình biểu diễn.

C. Mỗi kích thước chỉ được ghi 1 lần trên các hình biểu diễn.

D. Nên tập trung kích thước ở hình chiếu cạnh.

Câu 10:Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, để vẽ được hình chiếu đứng ta nhìn vào?

A. Mặt trước của vật thể. B. Mặt bên trên của vật thể.

C. Mặt bên trái của vật thể. D. Mặt sau của vật thể.

Câu 11:Trong phép chiếu vuông góc, một mặt phẳng sẽ có hình chiếu là 1 đoạn thẳng khi?

A. Mặt phẳng đó xiên góc với mặt phẳng hình chiếu.

B. Mặt phẳng đó vuông góc với mặt phẳng hình chiếu.

C. Mặt phẳng đó nằm trên với mặt phẳng hình chiếu.

D. Mặt phẳng đó song song với mặt phẳng hình chiếu.

Câu 12:Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, vị trí hình chiếu cạnh đặt ở đâu so với hình chiếu đứng?

A. Bên trái hình chiếu đứng. B. Bên phải hình chiếu đứng.

C. Bên trên hình chiếu đứng. D. Bên dưới hình chiếu đứng.

Câu 13:Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, để vẽ được hình chiếu bằng ta nhìn vào?

A. Mặt sau của vật thể. B. Mặt bên trái của vật thể.

C. Mặt bên trên của vật thể. D. Mặt trước của vật thể.

Câu 14:Trong phương pháp các hình chiếu vuông góc, hình chiếu từ trước được gọi là?

A. Hình chiếu bằng. B. Hình chiếu từ trên. C. Hình chiếu đứng. D. Hình chiếu cạnh.

Câu 15:Khi vẽ hình chiếu vuông góc từ nhiều hướng khác nhau của vật thể này ta đều có kết quả là hình tròn?

A. Tấm bìa hình tròn. B. Hình nón. C. Khối cầu. D. Khối trụ tròn.

Câu 16:Theo phương pháp chiếu góc thứ nhất, để thu được hình chiếu cạnh ta nhìn từ đâu?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Trước vào | B. Trên xuống | C. Trái sang | D. Dưới lên |

Câu 17: Phương pháp chiếu góc thứ nhất, vật thể đặt trong góc tạo bởi các mặt phẳng nào?

A. Mặt phẳng hình chiếu đứng và mặt phẳng hình chiếu bằng vuông góc với nhau

B. Mặt phẳng hình chiếu đứng và mặt phẳng hình chiếu cạnh vuông góc với nhau

C. Mặt phẳng hình chiếu bằng và mặt phẳng hình chiếu cạnh vuông góc với nhau

D. Mặt phẳng hình chiếu đứng, mặt phẳng hình chiếu bằng và mặt phẳng hình chiếu cạnh vuông góc với nhau từng đôi một

Câu 18:Sau khi chiếu vật thể lên các mặt phẳng hình chiếu sẽ thu được hình chiếu đứng, hình chiếu bằng, hình chiếu cạnh. Để các hình chiếu cùng nằm trên một mặt phẳng hình chiếu đứng thì?

A. Xoay mặt phẳng hình chiếu bằng xuống dưới 90ᵒ

B. Xoay mặt phẳng hình chiếu cạnh sang trái 90ᵒ

C. Xoay mặt phẳng hình chiếu bằng xuống dưới 180ᵒ

D. Xoay mặt phẳng hình chiếu bằng lên trên 90ᵒ

Câu 19:Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, có mấy mặt phẳng hình chiếu?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1 | B. 2 | C. 3 | D. 4 |

Câu 20:Theo phương pháp chiếu góc thứ nhất, để thu được hình chiếu bằng ta nhìn từ

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Trước vào | B. Trên xuống | C. Trái sang | D. Dưới lên |

# Câu 21:Trong phương pháp hình chiếu vuông góc, hướng chiếu từ bên trái ta được hình chiếu?

A. Hình chiếu tùy ý. B. Hình chiếu đứng.

C. Hình chiếu cạnh. D. Hình chiếu bằng.

Câu 22:Trong phương pháp chiếu góc thứ nhất, mặt phẳng hình chiếu đứng được đặt ở đâu?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Bên trái vật thể. | B. Bên trên vật thể | C. Bên phải vật thể | D. Phía sau vật thể |

Câu 23:Phát biểu nào sau đây về phương pháp chiếu góc thứ nhất là đúng?

A. Hình chiếu bằng đặt dưới hình chiếu đứng.

B. Hình chiếu cạnh bên trái hình chiếu đứng

C. Hình chiếu bằng đặt trên hình chiếu đứng

D. Hình chiếu cạnh đặt dưới hình chiếu đứng

BÀI 4: HÌNH CẮT MẶT CẮT

Câu 1:Mặt cắt có đường bao là nét liền đậm và được vẽ bên ngoài hình chiếu có tên là?

A. Mặt cắt cục bộ. B. Mặt cắt rời. C. Mặt cắt toàn bộ. D. Mặt cắt chập.

Câu 2:Hình cắt sử dụng một mặt phẳng cắt và dùng để biểu diễn hình dạng bên trong của vật thể, gọi là?

A. Hình cắt chập. B. Hình cắt toàn bộ. C. Hình cắt một nửa. D. Hình cắt cục bộ.

Câu 3:Hình cắt có các loại hình cắt nào?

A. Hình cắt một nửa, hình cắt cục bộ, hình cắt rời.

B. Hình cắt toàn bộ, hình cắt một nửa, hình cắt cục bộ.

C. Hình cắt toàn bộ, hình cắt chập, hình cắt cục bộ.

D. Hình cắt toàn bộ, hình cắt rời, hình cắt cục bộ.

Câu 4:Mặt cắt là hình biểu diễn?

A. Phía vật thể bị cắt ra do tưởng tượng. B. Phần còn lại của vật thể sau khi bị cắt.

C. Phần tiếp xúc của vật thể với mặt phẳng cắt. D. Phần vật thể bị cắt qua.

Câu 5:Khi biểu diễn hình cắt – mặt cắt, nét cắt dùng để chỉ?

A. Vị trí mặt phẳng cắt qua vật thể. B. Hướng nhìn của người quan sát (hướng chiếu).

C. Tên của hình cắt. D. Vị trí mặt phẳng hình chiếu.

Câu 6:Khi biểu diễn hình cắt – mặt cắt, chữ in hoa dùng để chỉ?

A. Tên của hình cắt hay mặt cắt. B. Hướng nhìn của người quan sát (hướng chiếu).

C. Vị trí mặt phẳng hình chiếu. D. Vị trí mặt phẳng cắt qua vật thể.

Câu 7:Hình biểu diễn gồm một nửa hình cắt ghép với một nửa hình chiếu, gọi là?

A. Hình cắt toàn bộ. B. Hình cắt chập. C. Hình cắt một nửa. D. Hình cắt cục bộ.

Câu 8:Khi biểu diễn hình cắt – mặt cắt, mũi tên dùng để chỉ?

A. Vị trí mặt phẳng cắt qua vật thể. B. Tên của hình cắt.

C. Vị trí mặt phẳng hình chiếu. D. Hướng nhìn của người quan sát (hướng chiếu).

Câu 9:Mặt cắt có đường bao là nét liền mảnh và được vẽ ngay trên hình chiếu có tên là?

A. Mặt cắt cục bộ. B. Mặt cắt toàn bộ. C. Mặt cắt chập. D. Mặt cắt rời.

Câu 10: Ký hiệu vật liệu được vẽ trên đâu?

A. Toàn bộ hình cắt. B. Mặt cắt.

C. Hình chiếu. D. Trên cả hình cắt lẫn hình chiếu.

Câu 11:Hình biểu diễn một phần bên trong của vật thể dưới dạng hình cắt, gọi là?

A. Hình cắt toàn bộ. B. Hình cắt cục bộ. C. Hình cắt chập. D. Hình cắt một nửa.

Câu 12:Mặt cắt có các loại?

A. Mặt cắt toàn bộ, mặt cắt cục bộ. B. Mặt cắt toàn bộ, mặt cắt cục bộ, mặt cắt rời.

C. Mặt cắt rời, mặt cắt chập. D. Mặt cắt rời, mặt cắt một nửa, mặt cắt chập.

Câu 13:Hình cắt là hình biểu diễn?

A. Phần còn lại của vật thể sau khi cắt. B. Phần vật thể bị cắt qua.

C. Phần tiếp xúc của vật thể với mặt phẳng cắt. D. Phía vật thể bị cắt qua do tưởng tượng.

Câu 14:Mặt cắt, hình cắt được biểu diễn bằng phương pháp?

A. Dùng dụng cụ cắt vật thể ra ở phần cần biểu diễn và vẽ chúng.

B. Dùng một hay nhiều mặt phẳng tưởng tượng để cắt vật thể ra và vẽ chúng.

C. Tưởng tượng vật thể bị cắt ra sao rồi vẽ chúng.

D. Làm cho vật thể vỡ ra rồi vẽ chúng.

Câu 15:Mặt cắt, hình cắt thường được dùng khi?

A. Cần biểu diễn hình dạng 3 chiều của vật thể có kết cấu rỗng, phức tạp.

B. Cần biểu diễn hình dạng và cấu tạo bên trong của vật thể có kết cấu rỗng, phức tạp.

C. Cần biểu diễn hình dạng và cấu tạo bên trong của vật thể có kết cấu đơn giản.

D. Cần biểu diễn hình dạng và cấu tạo bên ngoài của vật thể có kết cấu rỗng, phức tạp.

Câu 16:Chỉ vật thể có dạng đối xứng mới biểu diễn được bằng loại hình cắt này?

A. Hình cắt chập. B. Hình cắt toàn bộ. C. Hình cắt một nửa. D. Hình cắt cục bộ

BÀI 16: CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO PHÔI

Câu 1: Ưu điểm của phương pháp đúc là?

A. Chỉ đúc được vật có hình dạng đơn giản.

B. Chỉ đúc được vật có kích thước lớn.

C. Đúc được vật có kích thước từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản đến phức tạp.

D. Kim loại điền đầy hết lòng khuôn.

Câu 2: Công nghệ chế tạo phôi bằng phương pháp đúc gồm mấy bước?

A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 3: Ưu điểm của công nghệ chế tạo phôi bằng phương pháp gia công áp lực là gì?

A. Có cơ tính cao  B. Chế tạo được vật có kích thước từ nhỏ đến lớn

C. Chế tạo phôi từ vật có tính dẻo kém D. Chế tạo được vật có kết cấu phức tạp

Câu 4: Phương pháp gia công áp lực có đặc điểm gì?

A. Khối lượng vật liệu thay đổi B. Khối lượng vật liệu không thay đổi

C. Làm kim loại nóng chảy  D. Thành phần vật liệu thay đổi

Câu 5: Ưu điểm của công nghệ chế tạo phôi bằng phương pháp hàn là gì?

A. Mối hàn kém bền B. Mối hàn hở

C. Dễ cong vênh D. Tiết kiệm kim loại

Câu 6: Bản chất của phương pháp hàn là làm nóng chảy kim loại như thế nào?

A. Cục bộ chỗ cần hàn B. Toàn bộ chỗ vật hàn

C. Cục bộ vật cần hàn D. Nấu chảy toàn bộ chi tiết

Câu 7: Nhược điểm của phương pháp hàn là gì?

A. Không chế tạo được chi tiết có hình dáng và kết cấu phức tạp.

B. Không tiết kiệm được vật liệu.

C. Độ bền không cao kể cả kĩ thuật hàn tốt.

D. Biến dạng nhiệt không đều gây chi tiết bị cong, vênh, nứt

Câu 8: Vật liệu làm khuôn đúc bằng cát?

A. Cát khoảng (50-60) % B. Cát khoảng (60-70) %

C. Cát khoảng (70-80) % D. Cát khoảng (80-90) %

Câu 9: Công nghệ chế tạo phôi bằng phương pháp đúc là gì?

A. Rót kim loại lỏng vào khuôn B. Làm biến dạng vật liệu

C. Ghép kim loại với nhau D. Làm nóng kim loại để kết dính

Câu 10: Công nghệ chế tạo phôi bằng phương pháp gia công áp lực là gì?

A. Rót kim loại lỏng vào khuôn B. Làm cho kim loại biến dạng dẻo

C. Ghép kim loại với nhau D. Làm kim loại để kết dính

Câu 11: Công nghệ chế tạo phôi bằng phương pháp đúc có ưu điểm gì?

A. Có cơ tính cao

B. Đúc được tất cả các kim loại và hợp kim khác nhau

C. Tiết kiệm kim loại, giảm chi phí gia công cắt gọt kim loại

D. Đúc được vật có hình dạng đơn giản

Câu 12: Đúc có nhược điểm gì?

A. Vật bị cong. B. Chi phí gia công cao.

C. Vật dễ nứt D. Chỉ đúc được vật có hình dạng đơn giản.

Câu 13: Bước thứ nhất của phương pháp đúc là gì?

A. Tiến hành làm khuôn B. Chuẩn bị vật liệu nấu

C. Chuẩn bị mẫu và vật liệu làm khuôn D. Nấu chảy và rót kim loại lỏng vào khuôn

Câu 14: Bước thứ tư của phương pháp đúc là gì?

A. Tiến hành làm khuôn B. Chuẩn bị vật liệu nấu

C. Chuẩn bị mẩu và vật liệu làm khuôn D. Nấu chảy và rót kim loại lỏng vào khuôn

Câu 15: Gia công áp lực có bao nhiêu phương pháp cơ bản?

A. Một phương pháp B. Hai phương pháp

C. Ba phương pháp D. Bốn phương pháp

Câu 16: Ưu điểm của gia công áp lực là gì?

A. Vật liệu có cấu tạo phức tạp B. Vật liệu có khối lượng lớn

C. Tạo chi tiết có cơ tính cao D. Gia công được tất cả kim loại

Câu 17: Nhược điểm của gia công áp lực là gì?

A. Năng suất cao B. Không gia công được Gang

C. Tiết kiệm được kim loại. D. Tạo rỗ khí

Câu 18: Cả hai phương pháp hàn hồ quang tay và hàn hơi đều sử dụng:

A. Kìm hàn B. Mỏ hàn

C. Que hàn D. Ống dẫn khí oxi

Câu 19: Bản chất của công nghệ chế tạo phôi bằng phương pháp đúc là gì?

A. Kim loại đun lỏng rót vào khuôn, kim loại lỏng kết tinh và nguội nhận được sản phẩm có hình dạng, kích thước của lòng khuôn đúc

B. Hợp chất hữu cơ đun lỏng rót vào khuôn, hợp chất lỏng kết tinh và nguội nhận được sản phẩm có hình dạng, kích thước của lòng khuôn đúc

C. Hợp chất hữu cơ đun lỏng rót vào khuôn, hợp chất hữu cơ lỏng kết tinh và nguội nhận được sản phẩm của lòng khuôn đúc

D. Kim loại đun lỏng rót vào khuôn, kim loại lỏng kết tinh và nguội nhận được sản phẩm là khuôn đúc

Câu 20: Tượng đồng có kích thước lớn là sản phẩm của công nghệ chế tạo bằng phương pháp gia công nào?

A. Áp lực B. Cắt gọt

C. Hàn D. Đúc

Câu 21: Vật đúc sử dụng ngay gọi là gì?

A. Gia công đúc B. Chi tiết đúc

C. Sản phẩm đúc D. Phôi đúc

Câu 22: Công nghệ chế tạo phôi bằng phương pháp gia công áp lực có đặc điểm gì ?

A. Khối lượng, hình dạng thay đổi

B. Khối lượng, thành phần vật liệu thay đổi

C. Khối lượng, thành phần vật liệu không thay đổi

D. Khối lượng, hình dạng không thay đổi

Câu 23: Phương pháp gia công kim lọai nào thì khối lượng và thành phần vật liệu không đổi?

A. Hàn. B. Áp lực.

C. Đúc. D. Đúc trong khuôn cát.

Câu 24: Bản chất của công nghệ chế tạo phôi bằng phương pháp hàn?

A. Nối các chi tiết với nhau bằng phương pháp nối ghép các chi tiết bằng bulông, đai ốc.

B. Nối các chi tiết lại với nhau bằng phương pháp nung nóng chỗ nối đến trạng thái chảy, kim loại kết tinh tạo thành mối hàn

C. Nối các chi tiết lại với nhau bằng phương pháp nung dẻo chỗ nối, kim loại sau khi nguội tạo thành mối hàn

D. Nối các chi tiết với nhau bằng phương pháp nối ghép các chi tiết bằng chi tiết khác.

Câu 25: Đâu là ưu điểm của công nghệ chế tạo phôi bằng phương pháp hàn?

A. Tạo ra các chi tiết có độ cong, vênh, nứt.

B. Có thể tạo ra các chi tiết có hình dạng và kết cấu phức tạp.

C. Chế tạo được các vật có khối lượng lớn.

D. Có cơ tính cao